

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **177/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2021

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Luân;

2. Ông Hoàng Văn Thanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị P, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh N đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại các Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Bàn Thị P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn N được tự do tìm hiểu đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/7/2016 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Việc chị và anh N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau bình thường tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh N làm lao động tự do thường xuyên đi làm ăn xa nhà, còn chị đi làm công nhân Công ty tại tỉnh Bắc Giang, vợ chồng ít có thời gian gặp nhau, mỗi lần gặp nhau lại

xảy ra to tiếng cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng không ai quan tâm, yêu thương và chăm sóc gì đến nhau. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, thi thoảng chị đi làm về nhưng chỉ về ở cùng gia đình bố mẹ để chị ở cùng thôn T, xã M mà không về thăm anh N. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh N đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn N theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Đặng Văn N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Đặng Văn N không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Vay nợ chung: Chị và anh Đặng Văn N không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đặng Văn N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị P được tự do tìm hiểu đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/7/2016 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Việc anh và chị P kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau bình thường tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau, anh làm lao động tự do thường xuyên đi làm ăn xa nhà, còn chị P đi làm công nhân Công ty tại tỉnh Bắc Giang, vợ chồng không ai quan tâm, yêu thương và chăm sóc gì đến nhau. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh cũng có 1 đến 2 lần điện thoại hỏi thăm chị P, còn chị P không liên lạc gì với anh nữa. Anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị P, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị P chưa đến mức quá căng thẳng, trầm trọng, anh mong muốn Tòa án tiến hành hoà giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị P làm đơn ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị Bàn Thị P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Bàn Thị P không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Vay nợ chung: Anh và chị P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 và các văn bản tố tụng khác cho anh Đặng Văn N biết, báo gọi anh N nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh N không có mặt tại gia đình và địa phương, không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Thời gian gần đây khi anh N có mặt tại địa phương sinh sống và lao động, Tòa án đã phối hợp với Công an xã Minh Khương

trực tiếp đến làm việc với anh N, tiến hành lấy lời khai của anh N nhưng khi lấy lời khai xong anh N không vào ký biên bản. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh N theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thôn T, xã Minh K và Công an xã M, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay chị Bàn Thị P và anh Đặng Văn N là công dân cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị P và anh N được tự do tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau năm 2016 tại UBND xã Minh Khương, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa chị P và anh N không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn to tiếng cãi chửi nhau, anh N thường xuyên đi làm xa nhà, vắng mặt tại địa phương và gia đình, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Đồng thời đại diện thôn T, xã M cũng xác định địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị P và anh N, do Tòa án gửi nhờ địa phương giao lại cho anh N biết nội dung. Tuy nhiên do thời gian trước đây anh N thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên thôn đã trực tiếp niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật. Hiện nay anh N đã có mặt tại gia đình và địa phương, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa án làm việc. Về việc chị P làm đơn xin ly hôn với anh N, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo nội dung lời khai của ông Đặng Văn Đ - là bố đẻ của anh Đặng Văn N xác định: Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị P với anh N, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi cho ông nhờ ông giao lại cho anh N biết nội dung. Do anh N đi làm ăn xa thì thoảng điện thoại về nhà nói chuyện với gia đình, ông đã thông báo lại cho anh N biết việc chị P đã gửi đơn ly hôn với anh N đến Tòa án giải quyết. Anh N đã biết việc chị P gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh N nói không về giải quyết, tùy ý kiến của chị P muốn giải quyết như thế nào thì tùy chị. Về việc giải quyết ly hôn giữa chị P với anh N thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Bàn Thị P cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); 01 Giấy chứng minh nhân dân của chị P (bản sao chứng thực); 01 Sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực).

- Bị đơn anh Đặng Văn N cung cấp cho Tòa án: Không có.

Ngoài ra, các đương sự không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã trực tiếp tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Đặng Văn N đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh N đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Bàn Thị P chấp hành tốt các quy định của pháp luật; Bị đơn anh Đặng Văn N chưa chấp hành các quy định về báo gọi và tham gia phiên tòa khi Tòa án triệu tập.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị P được ly hôn với anh Đặng Văn N;

- Về án phí:

+ Chị Bàn Thị P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Anh Đặng Văn N không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Bàn Thị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn N nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Đặng Văn N là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Đặng Văn N tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Đặng Văn N đã được Tòa án giao, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt không đến Tòa án làm việc và không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Văn N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị P và anh Đặng Văn N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/7/2016 tại UBND xã Minh Khương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị P và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị P và anh N hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa chị P và anh N không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh N là lao động tự do không có công việc làm ổn định, chị P làm công nhân tại tỉnh Bắc Giang thường xuyên đi làm xa nhà, thi thoảng vợ chồng gặp nhau lại xảy ra to tiếng cãi chửi nhau nên vợ chồng không ai quan tâm và yêu thương, tin tưởng nhau. Thực tế chị P và anh N đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau nữa. Chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng và kiên quyết xin ly hôn với anh N, tuy anh N không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị P và anh N đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh N thừa nhận thi thoảng có 1 đến 2 lần điện thoại nói chuyện hỏi thăm chị P, còn chị P không liên lạc gì với anh nữa. Anh N thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, còn chị P cũng đi làm công nhân công ty tại tỉnh Bắc Giang thi thoảng mới về nhà, mỗi lần chị P về nhà thì chị không về thăm anh N mà về sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ chị P ở cùng thôn T, xã M, huyện H sau đó lại đi làm luôn, vợ chồng không gặp nhau nói chuyện lần nào. Đồng thời anh N xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị P, anh mong muốn Toà án tiến hành hoà giải cho vợ chồng gặp nhau để đoàn tụ gia đình, nhưng các lần Toà án báo gọi anh N đều không đến Toà án làm việc nên Toà án không tiến hành hoà giải về tình cảm vợ chồng cho anh chị được. Như vậy cuộc sống hôn nhân giữa anh N và chị P không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thực sự mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, vì từ đầu năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân và đều không ai đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa chị P vắng mặt nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị P vẫn giữ nguyên đề nghị giải quyết ly hôn với anh N. Do đó, cần xử cho chị Bàn Thị P được ly hôn anh Đặng Văn N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị P và anh Đặng Văn N xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị P và anh Đặng Văn N xác định không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Chị Bàn Thị P và anh Đặng Văn N xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị P phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Anh Đặng Văn N không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị P được ly hôn với anh Đặng Văn N.

2. Về án phí: Chị Bàn Thị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004476 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàn Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Đặng Văn N không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị P và anh Đặng Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Khương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng